**ĐỀ MINH HỌA**

**Đề kiểm tra cuối kì I lớp 9**

**a) Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | | | | **Vận dụng**  **(TL)** | | | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | |  |
| **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Địa lí dân cư; Chủ đề đô thị hóa; Nông nghiệp  ( 10% - đã kiểm tra giữa kì I) | | Dân cư Việt Nam | 2TN\* | |  |  | | |  | |  | |  | |  |  | |  |
| Đô thị hóa | 2TN\* | |  |  | | |  | |  | |  | |  |  | |  |
| Nông nghiệp | 2TN\* | |  |  | | |  | |  | |  | |  |  | |  |
| 2 | Công nghiệp  (3 tiết) | | – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu  – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh | 2TN | |  |  | | | 1TL\* | |  | |  | |  | 1TL(b)\* | |  |
| 3 | Dịch vụ  (3 tiết) | | – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ  – Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông  -Thương mại, du lịch | 2TN | |  |  | | | 1TL\* | |  | | 1 TLa\* | |  |  | |  |
| 4 | Trung du và miền núi Bắc Bộ  (3 tiết) | | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | 2TN\* | |  |  | | | 1TL\* | |  | | 1 TLa\* | |  |  | |  |
| 5 | Đồng bằng sông Hồng | | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | 2TN\* | |  |  | | | 1TL\* | |  | | 1 TLa\* | |  | 1TLb\* | |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | | ***20%*** | | | ***15%*** | | | | | ***10%*** | | | | ***5%*** | | |  |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | 1TN |  | | |  |  | |  | |  | |  | | |  | 2.5% |
| 2 | | VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | 2. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | 1TN |  | | |  |  | |  | |  | |  | | |  | 2.5% |
| 3 | | VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | 4. Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 2TN |  | | |  |  | |  | | TL | |  | | |  | 15% |
| 4 | | THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 | 1. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)  2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991  3. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991  4. Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991  5. Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | 4TN |  | | |  | TL\* | |  | |  | |  | | | TL | 35% |
| ***Tỉ lệ*** | | | | ***20%*** | | | | ***15%*** | | | ***10%*** | | | | ***5%*** | | | | ***50%*** |
| **Tổng hợp chung** | | | | **40%** | | | | **30%** | | | **20%** | | | | **10%** | | | | **100%** |

**b) Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | Địa lí dân cư; Chủ đề đô thị hóa; Nông nghiệp  ( 10% - đã kiểm tra giữa kì I) | Địa lí dân cư | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. | 2 TN\* |  |  |  |
| Đô thị hóa | **Nhận biết**  – Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. | 2 TN\* |  |  |  |
| Nông nghiệp | **Nhận biết**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản. | 2TN\* |  |  |  |
| 2 | Công nghiệp  (3 tiết; 2,5 điểm) | – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu  – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh | **Nhận biết**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu: (theo QĐ 27)  – Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.  **Thông hiểu**  – Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, nguồn nguyên liệu.  **Vận dụng cao**  – Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. | 2 TN | 1 TL\* |  | 1 TL(b)\* |
| 3 | Dịch vụ  (3 tiết; 2,5 điểm) | – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ  – Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông  -Thương mại, du lịch | **Nhận biết**  – Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.  – Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông.  **Thông hiểu**  – Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, lịch sử văn hóa.  **Vận dụng**  – Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. | 2TN | 1TL\* | 1TL (a)\* |  |
|  | Trung du và miền núi Bắc Bộ  (3 tiết; 2,0 điểm) | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | **Nhận biết**  *–* Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  **Thông hiểu**  – Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc;  – Trình bày được các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thuỷ sản, du lịch.  – Phân tích hoặc sơ đồ hóa được các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **Vận dụng**  – Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). | 2TN\* | 1 TL\* | 1TL (a)\* |  |
|  | Đồng bằng sông Hồng  (3 tiết; 2,0 điểm) | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  **Thông hiểu**  – Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thuỷ sản;  – Trình bày được vấn đề phát triển kinh tế biển.  – Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.  – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng.  **Vận dụng**  – Phân tích được vị thế của Thủ đô Hà Nội.  **Vận dụng cao**  – Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. | 2TN\* | 1TL\* | 1TL (a)\* | 1 TL(b)\* |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | |
| 1 | THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | – Trình bày được những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941). | 1 TN |  |  |  |
| 2 | VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | 2. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | – Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. | 1 TN |  |  |  |
| 3 | VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | 4. Cách mạng tháng Tám năm 1945 | **Nhận biết**  – Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.   * Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.   **Vận dụng**  – Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. | 2TN |  | TL |  |
| 4 | THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 | 1. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)  2. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991  3. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991  4. Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991  5. Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | **Nhận biết**  – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  – Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  – Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba.  – Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.  **Vận dụng**  – Đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba.  **Vận dụng cao**  – Liên hệ được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba với Việt Nam | 4TN | 1TL\* |  | 1TL |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tổng hợp chung** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

**Kết hợp a và b thành 1 là b và đổi tên là: MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ**

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 9**

**Phân môn Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**Câu 1.** Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam, hãy cho biết các dân tộc ít người nào sau đây cư trú chủ yếu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Gia – rai, Ê-đê, Chăm, Ra-glai, Chu-ru.

B. Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Mông.

C. Khơ-me, Chăm, Hoa, Cơ-ho, Rơ-măm.

D. Ba-na, Xơ-đăng, Bru-Vân Kiều, Xtiêng.

**Câu 2.** Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam, hãy cho biết các dân tộc ít người nào sau đây cư trú chủ yếu ở khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên?

A. Ê-đê, Gia-rai, Cơ-ho.

B. Mường, La Chí, Sán Chay.

C. Khơ-me, Dao, Pà Thẻn.

D. La Hủ, Lô Lô, Si La.

**Câu 3.** Trong các nhân tố tự nhiên dưới đây, nhân tố nào có ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố công nghiệp?

A. Đất. B. Nước.

C. Khoáng sản. D. Sinh vật.

**Câu 4.** Ngành công nghiệp khai thác than tập trung nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

A. Bắc Giang. B. Cao Bằng.

C. Quảng Ninh. D. Thái Nguyên.

**Câu 5.** Atlat Địa lí Việt Nam hãy cho biết hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta là

A. Hà Nội và Đà Nẵng.

B. Hà Nội và Hải Phòng.

C. TP Hồ Chí Minh và Hà Nội.

D. TP Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

**Câu 6.** Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam, hãy cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

A. Hải Phòng. B. Dung Quất.

C. Vũng Tàu. D. Trà Vinh.

**Câu 7**. Đồng bằng sông Hồng nằm tiếp giáp với vùng kinh tế nào sau đây?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 8**. Về mùa đông ở Đồng bằng sông Hồng có gió

A. phơn thổi thường xuyên. B. tín phong thổi thường xuyên.

C. mùa đông bắc. D. mùa tây nam.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1.** (1,5 điểm). Điều kiện kinh tế-xã hội ở Đồng bằng sông Hồng có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội ?

**Câu 2.** (1,0 điểm)Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ THEO CÁC VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích** (nghìn km2) | **Dân số** (nghìn người) |
| Cả nước | 331,2 | 97 645,6 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 101,4 | 14 063,4 |
| Đồng bằng sông Hồng | 15,2 | 21 582,4 |
| Bắc Trung Bộ | 51,1 | 10 999,7 |
| Duyên hải Nam Trung Bộ | 44,7 | 9 343,5 |
| Tây Nguyên | 54,5 | 5 932,1 |
| Đông Nam Bộ | 23,5 | 18 342,9 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 40,8 | 17 381,6 |

Tính mật độ dân số các vùng ở nước ta năm 2020. So sánh mật độ dân số của Trung du và miền núi Bắc Bộ với cả nước và các vùng khác ở nước ta.

**Câu 3**.(0,5 điểm) Giải thích vì sao phải phát triển công nghiệp xanh.

**Phân môn Lịch sử**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

Câu 1. Trong những năm 1925 – 1941, để xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đã thực hiện nhiệm vụ nào?

A. Bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

B. Hoàn thành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

C. Hoàn thành điện khí hóa xã hội chủ nghĩa.

D. Tiếp tục khôi phục nền kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 2. Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động nào vào tháng 6- 1919?

A. Tham dự Hội nghị Véc-xai.

B. Gửi yêu sách tám điểm đến Hội nghị Véc-xai.

C. Tham dự Đại hội Tua.

D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba.

Câu 3. Sau khi xâm lược Đông Dương, phát xít Nhật đã thực hiện thủ đoạn nào để bóc lột nhân dân ta?

A. Thu mua lương thực. chủ yếu là lúa gạo theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt.

B. Thu mua lương thực lúa gạo với giá thỏa thuận với nhân dân.

C. Tăng các loại thuế khóa lên gấp ba lần, đặc biệt là thuế muối, rượu, thuốc phiện.

D. Thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy, nắm độc quyền nền kinh tế Đông Dương.

Câu 4. Đảng Cộng sản Đông Dương họp quyết định phát động Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trong kiện khách quan thuận lợi nào?

A. Phát xít Đức bị đánh bại và đầu hàng không điều kiện.

B. Quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

C. Phát xít I-ta-li-a thất bại nặng nề ở mặt trận Bắc Phi.

D. Quân Đồng minh đã kéo vào Đông Dương giải giáp phát xít Nhật.

Câu 5. Yếu tố quyết định dẫn đến sự thành lập lập các nhà nước Dân chủ nhân dân Đông Âu những năm 1945 – 1946 là

A. sự lãnh đạo của những người cộng sản.

B. sự giúp đỡ to lớn của Hồng quân Liên Xô.

C. phát xít Đức bị thất bại hoàn toàn ở châu Âu.

D. nhân dân Đông Âu ủng hộ sự thành lập các nhà nước.

Câu 6. Chính sách đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. thực hiện chiến lược toàn cầu.

B. cấm Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động.

C. chống lại phong trào đình công của công nhân.

D. loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy Nhà nước.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á chống lại kẻ thù nào?

A. Sự xâm lược trở lại của các nước thực dân.

B. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân đã thống trị lâu đời ở các nước Đông Nam Á.

C. Sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới là đế quốc Mĩ.

D. Các thế lực phản động nổi dậy ở nhiều nơi.

Câu 8. Ngày 8-8-1867, 5 quốc gia tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là

A. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Xin-ga-po.

B. Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan.

C. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Đông Timo.

D. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

Câu 1. (1.5 điểm) Vì sao công cuộc cải cách và mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 lại đạt được thành tựu to lớn?.

Câu 2. (1.5 điểm) Bằng kiến thức lịch sử đã được học, em hãy:

a. (1.0 điểm) Đánh giá vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b. (0.5 điểm) Nêu một bài học rút ra từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba cho cách mạng Việt Nam hiện nay.

**d) Đáp án và hướng dẫn chấm**

**Phần Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | A | A | B | C | C | D | C |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1**.

*a. Thuận lợi*

- Vùng dân cư tập trung đông đúc nhất nước ta; nguồn lao động dồi dào; người lao động có trình độ thâm canh cây lúa nước cao nhất nước ta; mặt bằng dân trí cao.

- Kết cấu hạ tầng tương đối hoàn thiện; cơ sở vật chất của các ngành kinh tế tốt; là vùng có thu hút đầu tư nước ngoài cao.

- Nhiều tỉnh nằm trong vùng KTTĐ Bắc Bộ.

- Một số đô thị được hình thành từ lâu đời; thủ đô Hà Nội; Hải Phòng.

*b. Khó khăn*

- Dân số đông, bình quân đất đầu người thấp; Sức ép dân số lên sự phát triển kinh tế- xã hội và cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.

- Một số khu vực kết cấu hạ tầng đã bị xuống cấp...

**Câu 2.**

- Tính mật độ dân số: 0,5 điểm.

- Liệt kê vùng nào mật độ dân số cao hơn cả nước và thấp hơn cả nước: 0,5 điểm.

**Câu 3.** Phải phát triển công nghiệp xanh vì:

- Bảo đảm phát triển bền vững.

- Tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

**Phần Lịch sử**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | A | B | A | B | A | A | A | D |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1.** 1.5 điểm) Vì sao công cuộc cải cách và mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 lại đạt được thành tựu to lớn?.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| Đường lối cải cách mới mục tiêu đúng: hiện đại hóa, đưa đất nước Trung quốc trở thành quốc gia giàu mạnh và văn minh: | 1.5đ |
| Chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc. | 0.5đ |
| Lấy cải cách kinh tế làm trọng tâm. | 0.5đ |
| Thực hiện cải cách và mở cửa. |  |

**Câu 2.** Bằng kiến thức lịch sử đã được học, em hãy:

a. (1.0 điểm) Đánh giá vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b. (0.5 điểm) Nêu một bài học rút ra từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba cho cách mạng Việt Nam hiện nay.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| a. (1.0 điểm) Đánh giá vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. | |
| Xác định đường lối cách mạng đúng đắn (đề ra và hoàn thiện từ Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) đến Hội nghị Trung ương 8 (5.1941) đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. | 0.5đ |
| Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945. | 0.5đ |
| b. (0.5 điểm) Nêu một bài học rút ra từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba cho cách mạng Việt Nam hiện nay. | |
| **(***Gợi ý:* Khẳng định được sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Cu ba trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Bài học cho Việt Nam là kiên trì con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa**)** | 0.5đ |